

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC MÊ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 12 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
và tiền cấp dưỡng nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đình Như.

Bà Nguyễn Hoài Linh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị L; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q; sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021, bản tự khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Mã Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn ngày 25/4/2017, tại UBND thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang được tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng trên cơ sở tự nguyện kết hôn, không bên nào bị ép buộc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình thời gian chung sống gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, anh Q ghen tuông vô cớ, phân biệt con chung, con riêng, thỉnh thoảng đánh đập chửi bới và đuổi ra khỏi nhà và còn hay uống rượu không chịu làm ăn. Mặc dù đã cố gắng nhẫn nhịn để gia đình hòa thuận, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh Q không thay đổi nên chị L đã yêu cầu thôn giải quyết nhưng không thành. Hiện chị L đã sống ly thân với anh Q từ tháng 8/2021 sau đó chị đã đi ở nhiều nơi như nhà chị gái ruột là Mã Thị Đ tại thôn N, thị trấn Y, huyện B được 01 tuần, sau đó lại đi ở nhà hàng Đ tổ 2 thị trấn Y đến nay. Nay thấy tình cảm với chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Mức thu nhập khoảng 2.000.000đ/tháng (*Hai triệu đồng*), ngoài ra không có thu nhập thêm gì.

Thời gian vợ chồng chung sống có 01 con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 đang ở với anh Nguyễn Văn Q tại Thôn N, thị trấn Y, huyện B. Ngoài ra có 01 con riêng của chị L cháu Trần Ngọc Phương T, sinh ngày 18/02/2011. Về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không kê khai.

Tại phiên tòa yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q; về con chung nguyện vọng để cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi, về con riêng Trần Ngọc Phương T, sinh ngày 18/02/2011 không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết; Về án phí xin được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn Q tại bản tự khai, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, và tại phiên tòa trình bày:* Về thời gian xây dựng gia đình, tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn, con chung, con riêng nguyên đơn chị Mã Thị L trình bày là đúng đến thời điểm tại phiên tòa hôm nay; nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là sau khi chị L sinh cháu Nguyễn Minh Q được hơn 06 tháng hay cần nần nói anh hay đi chơi, không giúp vợ trông con và chăm lo gia đình. Mặc dù tài sản gia đình tôi đã tiêu tốn để chữa bệnh cho vợ con, tôi đã giải thích nhiều lần nhưng vợ tôi vẫn không thay đổi. Vì thế tôi không giải tỏa được tâm lý có uống rượu nhiều chị L chửi mắng rất nhiều. Lúc con được 18 tháng tuổi chị L muốn đi làm thuê ở Trung Quốc nhưng do con nhỏ không muốn cho chị L đi làm, có khuyên bảo và ngăn cản chị L vẫn cố tình bỏ đi được hơn một tháng lại quay về. Khoảng tháng 8/2021 chị L đòi đi làm thuê ở xa tôi khuyên ở nhà để tiện chăm sóc con cái nhưng chị L không nghe dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau và sau đó chị L bỏ đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mức thu nhập làm ruộng mỗi tháng khoảng 1.000.000đ đến 2.000.000đ, ngoài ra không có thu nhập khác.

Tại phiên tòa yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân không đồng ý ly hôn với chị Mã Thị L muốn quay lại đoàn tụ gia đình, nếu chị L cương quyết ly hôn yêu cầu về con chung được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Mã Thị L và bị đơn anh Nguyễn Văn Q thống nhất con riêng của chị L Trần Ngọc Phương T, sinh ngày 18/02/2011 chị L tự nuôi, không yêu cầu giải quyết.

- Về tình trạng mâu thuẫn gia đình: Ngày 29/11/2021 trưởng thôn N cùng UBND thị trấn Y cung cấp cho Tòa án biết chị Mã Thị L và anh Nguyễn Văn Q nguyên nhân mâu thuẫn gia đình từ năm 2018, sau khi chị L sinh cháu Nguyễn Minh Q được thời gian hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau về con chung, con riêng cũng do anh Q hay uống rượu. Dẫn đến chị L đi làm thuê ở quanh thị trấn

Y, huyện B từ tháng 8/2021 không chung sống với anh Nguyễn Văn Q, vợ chồng sống ly thân đến nay.

- Ngày 03/11/2021 và ngày 18/11/2021 Tòa án tiến hành hòa giải các đương sự những nội dung thống nhất được về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết; về con chung giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về con riêng của chị L cháu Trần Ngọc Phương T, sinh ngày 18/02/2011 chị L tự nuôi không yêu cầu giải quyết. Những nội dung các đương sự không thống nhất về quan hệ hôn nhân chị Mã Thị L xin được ly hôn, anh Nguyễn Văn Q không nhất trí ly hôn.

Tranh luận phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị không có thay đổi, bổ sung thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan như việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14, khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị L.

Về hôn nhân đề nghị tuyên xử cho chị Mã Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q; về con chung giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Mã Thị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Minh Q mỗi tháng 745.000đ (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu Nguyễn Minh Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng và con riêng của chị Mã Thị L không yêu cầu giải quyết, nên không đề xem xét giải quyết.

Về án phí nguyên đơn chị Mã Thị L được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Mã Thị L và anh Nguyễn Văn Q trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau 04 tháng, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh Q có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau và cảm thông chia sẻ với nhau, từ đó mỗi người có một cách sống khác nhau, trong tình cảm vợ chồng chung sống luôn nghi ngờ nhau không tin tưởng nhau, cuộc sống chung không có tiếng nói chung. Từ năm 2018 đến nay luôn xảy ra mâu thuẫn, qua xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú là có thật như chị L và anh Q trình bày tại phiên tòa. Từ tháng 8/2021 vợ chồng sống ly thân chị L đã bỏ đi làm thuê không ở cùng với anh Q đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng tình cảm không còn, hôn nhân không tồn tại, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù Tòa đã cố gắng hòa giải 02 lần để cho vợ chồng quay về đoàn tụ hàn gắn lại những vết dạn nứt, để cùng nhau nuôi dạy các con khôn lớn như bao gia đình khác. Nhưng chị L một mực yêu cầu ly hôn. Nên chấp nhận xử cho chị L được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị L và anh Q thống nhất có 01 con chung Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 và chị Mã Thị L có 01 con riêng Trần Ngọc Phương T, sinh ngày 18/02/2011. Xét sự thỏa thuận đương sự giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh Q là phù hợp vì hiện tại anh Q có nhà và chỗ ở ổn định. Tuy nhiên mức tiền cấp dưỡng nuôi con anh Q yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ chưa phù hợp với thu nhập của chị L, vì chị L thu nhập mỗi tháng được 2.000.000đ ngoài ra chị L còn phải nuôi con riêng. Nên xét điều kiện thực tế chị Mã Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Minh Q và khả năng thi hành là 750.000đ/tháng cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với con riêng của chị L cháu Trần Ngọc Phương T, sinh ngày 18/02/2011 các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung chị L và anh Q thống nhất không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Chị Mã Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 14, khoản 6, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị L. Xử cho chị Mã Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Mã Thị L có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/12/2017 mỗi tháng 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn Q là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng hằng tháng.

Sau khi ly hôn chị Mã Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con không cố định.

*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không.

4. Về án phí: Chị Mã Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con; anh Nguyễn Văn Q không phải chịu tiền án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Dương Văn Công**